

A. Choose the correct meaning of the underlined phrasal verb.

Chọn nghĩa đúng của cụm động từ được gạch chân.

1. She **made up** a story about why she was late.
 - a. Trang trí một câu chuyện
 - b. Bịa chuyện để lừa
 - c. Hiểu ra câu chuyện
2. We **made for** the nearest shelter when the storm hit.
 - a. Đi về hướng
 - b. Làm lại từ đầu
 - c. Gây rắc rối
3. I could hardly **make out** what he was saying over the phone.
 - a. Nhận ra, nghe thấy rõ
 - b. Ghi âm lại
 - c. Tưởng tượng
4. It's hard to **make out** what she really thinks.
 - a. Viết ra
 - b. Hiểu được
 - c. Tìm kiếm
5. This chair is **made up** of recycled materials.
 - a. Làm giả
 - b. Hình thành từ
 - c. Truyền lại

B. Rewrite the sentences using the correct phrasal verb.

Viết lại câu với cụm động từ thích hợp: **make up, make out, make for**

1. We went in the direction of the river.
→ We _____ the river.
2. I didn't understand what he meant.
→ I couldn't _____ what he meant.
3. She invented a reason for not going to school.
→ She _____ an excuse.
4. The team consists of 11 players.
→ The team is _____ 11 players.
5. They could just hear the sound of someone crying in the distance.
→ They could just _____ someone crying..
6. They invented a new game during recess.
→ They _____ a new game during recess.
7. I didn't recognize her voice on the phone.
→ I couldn't _____ her voice.
8. The materials forming this sculpture are all natural.
→ This sculpture is _____ natural materials.
9. We all moved toward the exit when the alarm rang.
→ We _____ the exit when the alarm rang.

10. It took me years to understand my father's decisions.

→ It took me years to _____ my father's choices.